

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-ST.

Ngày 01 - 8 - 2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đào Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Quảng Văn Cương, ông Nguyễn Bá Sửu.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Văn Yên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2018/TLHS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST - HS ngày 19/7/2018 đối với bị cáo:

**Lò Văn M**, sinh năm 1993 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản L, xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Thái; Đảng phái: là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 58-QĐ/UBKTHU ngày 16/7/2018 của Ủy ban kiểm tra huyện Ủy huyện Yên Châu); Con ông Lò Văn T, sinh năm 1968, con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968; có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2018 đến ngày 10/5/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại có mặt tại phiên toà.

***Bị hại:***

**- Anh Mè Văn A**, sinh năm 1990, trú tại: Bản P, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Hà Thị H, sinh năm 1994, trú tại: Bản L, xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 Lò Văn M điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA-Exciter biển kiểm soát 26K8-2938 của gia đình đến nhà Mè Văn A ở bản P, xã C, huyện Yên Châu chơi, đến nhà thấy có Mè Văn H (là con của Mè Văn A) chơi ngoài sân. Do thường xuyên đến nhà Mè Văn A nên biết vị trí cất chìa khóa kết sắt để trên nóc tủ ti vi, Lò Văn M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình Mè Văn A để chi tiêu cá nhân. Lò Văn M lấy chìa khóa mở kết sắt thấy bên trong có khoảng 8.000.000 đồng, Lò Văn M lấy số tiền cho vào túi quần khóa kết sắt lại, cất chìa khóa vào vị trí ban đầu rồi điều khiển xe máy về nhà, số tiền trộm cắp được Lò Văn M đã chi tiêu cá nhân không nói cho ai biết.

Ngày 04/5/2018 Mè Văn A có đơn đề nghị Công an huyện Yên Châu giải quyết về việc gia đình bị mất trộm số tiền 7.800.000 đồng để trong kết sắt. Cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu khám xét khẩn cấp nơi ở của Lò Văn M và thu giữ: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 490.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel.

Ngày 07/5/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu ra quyết định trưng cầu giám định số tiền 490.000 đồng là tiền thật hay tiền giả. Tại kết luận số 218, ngày 11/5/2018 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận số tiền 490.000 đồng gửi giám định là tiền thật, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKSYC ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Lò Văn M về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội: Trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1; điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 490.000 đồng của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị hại: anh Mè Văn A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo Lò Văn M được cải tạo tại địa phương.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo nhận thấy: Ngày 02 tháng 5 năm 2018 Lò Văn M đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút vào gia đình của Mè Văn A để trộm cắp số tiền 7.800.000 đồng mục đích để chi tiêu cá nhân. Hành vi của cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của Lò Văn M là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ mức án và xin cho bị cáo cải tạo tại địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, được gia đình và chính quyền địa phương, người bị hại có đơn bảo lãnh xin cho bị cáo cải tạo tại địa phương, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe là phù hợp với Điều 36 Bộ luật hình sự, cũng đảm bảo tính cải tạo giáo dục riêng, phòng ngừa chung và phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về khâu trừ thu nhập đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo làm nghề trồng trọt thu nhập thấp, không có tài sản riêng, do đó cần miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “ *Người nào phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản do Công an huyện Yên Châu cũng như lời trình bày của bị cáo trước phiên tòa, bị cáo làm nghề trồng trọt, không có tài sản gì có giá trị, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*:

Ngày 05/5/2018 chị Hà Thị H (vợ bị cáo) đại diện gia đình đã bồi thường cho bị hại Mè Văn A số tiền 7.800.000 đồng, anh Mè Văn A đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến đề nghị bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Xét thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

Đối với số tiền 7.800.000 đồng chị Hà Thị H tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả cho bị hại, chị Hà Thị H không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại cho chị vì là vợ chồng với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết tại phiên tòa.

Đối với số tiền 490.000 đồng thu giữ của bị cáo xác định là số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại, người bị hại đã được bồi thường xong không yêu cầu bồi thường thêm, nên số tiền này cần sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lò Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Tú Nang huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối bị cáo Lò Văn M.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận người bị hại anh Mè Văn A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 490.000 đồng thu qua biên lai quyền số: AB/2010, số 002899 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số IMEI 3010416755890, IMEI 2: 3010416755890, máy đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lò Văn M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/8/2018).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBKT Huyện ủy Yên Châu;
- UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Ngọc Hà**